

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN NGỮ VĂN

KHỐI: 11

*Thời gian: Tuần 26 (HK II)

A. ÔN TẬP CHUNG

BÀI 6 – NGUYỄN DU – “ NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG”

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tiểu sử về Nguyễn Du, những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du, vị trí của ông trong nền văn học dân tộc.
- Đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu về thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm, truyện thơ Nôm của Nguyễn Du: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác.
- Thực hành biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối.
- Quy trình viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.
- Thảo luận giới thiệu một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

2.2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực cảm thụ văn học, năng lực ngôn ngữ.
- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.
- So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.
- Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam

- Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hóa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ.

- Một số phương diện chính của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...).
- Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại diễn ra theo nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hóa” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hóa dân tộc.

2. Truyện thơ Nôm:

- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát
- Phân loại: Truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học

3. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối

- Lặp cấu trúc: là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.
- Đối: là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ hoặc câu sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn.

III. LÀM VĂN

1. **Thể loại:** Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học

2. Yêu cầu:

- HS nắm được những yêu cầu cơ bản của việc viết một văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học
- HS biết thực hành văn bản nghị luận thuyết minh về một tác phẩm văn học (với nội dung trọng tâm đã nêu trên) theo các bước được hướng dẫn.

BÀI 7 – GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Khái niệm và đặc trưng của thể loại kí.
- Những phương thức biểu đạt được sử dụng chủ yếu trong thể loại kí.
- Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

2.2 Năng lực đặc thù

- Nhận biết được các yếu tố đặc trưng của thể loại kí (tùy bút, tản văn, truyện kí).
- Xác định được những đặc trưng của thể loại kí (tùy bút, tản văn, truyện kí).

- Xác định được các yếu tố như cái tôi trữ tình, đối tượng trữ tình, phương thức biểu đạt.
- Xác định được cái hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Chỉ ra được tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết qua văn bản.
- Đọc - hiểu được văn bản khác cùng thể loại.

3. Về phẩm chất

- Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hoá của đất nước.
- Thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. TRI THỨC NGŨ VĂN

1.Kí:

a. Khái niệm:

Là tên gọi một nhóm các thể, tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin...nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.

b. Tiểu loại: Tùy bút, tản văn, phóng sự, kí sự. Truyện kí, hồi kí, Nhật kí, du kí...

2.Tự sự và trữ tình trong tùy bút và tản văn:

a. Tùy bút: Tiểu loại kí có tính tự do cao, bố cục linh hoạt, nghiêng hẳn về trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả.

b. Tản văn: Là tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình còn có thể kết hợp với nghị luận, miêu tả...nhằm thể hiện những rung cảm thâm và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống.

☐ Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt.

3. Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí:

- Truyện kí là dạng kể về người thật, việc thật, tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực...nên được xếp vào loại phi hư cấu.
- Yếu tố hư cấu trong truyện kí thể hiện qua cách hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật

III. VIẾT

1. Thể loại: Viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội

2. Yêu cầu:

- **Học sinh ghi nhớ** được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội
- **Học sinh thực hành** viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội (với việc chú ý bố cục, các bước tiến hành làm bài) theo các bước được hướng dẫn.

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II:

Câu trúc đề kiểm tra thời gian 90 phút, gồm 2 phần:

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm) gồm 06 câu hỏi tự luận:

Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc một trong số các thể loại: kí, tuỳ bút hoặc tản văn, ngữ liệu ngoài SGK, thường bao gồm các dạng câu hỏi sau:

- Theo 3 mức độ (Biết, Hiểu, Vận dụng): Biết (2 câu) - Hiểu (3 câu) - Vận dụng (1 câu).

- Số lượng câu hỏi: 6 câu (có ít nhất 01 câu hỏi tiếng Việt).

- Trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm vào câu hỏi.

Ở mức độ nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, nhân vật, ngôi kể, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu

- Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình, các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản

Ở mức độ thông hiểu:

- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản

- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình, giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản

- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản, phát hiện và lí giải được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh của văn bản

- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản

Ở mức độ Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản

Ở mức độ Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa, hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau, liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm

II. VIẾT (5.0 điểm) : Đề bài thuộc dạng sau:

1. Thể loại: Viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội

Yêu cầu:

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần thuyết minh

- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về hiện tượng xã hội cần thuyết minh

- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.

- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

2. Khi làm bài HS cần đạt được các mức độ:

a. Nhận biết:

- Xác định đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh

- Xác định được mục đích, đối tượng của văn bản

-Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh

b. Thông hiểu:

- Trình bày rõ nội dung thuyết minh, cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan

-Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung mục đích, đối tượng thuyết minh, đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt

-Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận

c. Vận dụng:

Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản

d. Vận dụng cao:

Vận dụng hiệu quả những kiến thức về tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh.

Đề kiểm tra minh họa

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÙI RƠM RẠ QUÊ MÌNH...

Ngọc Bích

(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bung biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi rơm rạ sau mỗi mùa gặt.

(2) Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần ký ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ – phần thời gian trong trẻo nhất của một đời người.

(3) Trong ký ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kỳ lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rơm, nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

(4) Tôi thương cái mùi rơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoang rồi loang dần, quần chặt vào sống mũi. Mùi rơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trúng, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.

(5) Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rơm, lửa cháy bùng, cơm sôi ừng ực. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tím mắt bất chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rơm rạ và mùi của chén gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát¹ trong lòng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.

(6) [...] Tôi lớn lên giữa mùi rơm rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rơm rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.

¹ Ngan ngát: (mùi thơm) dễ chịu và lan tỏa ra xa.

(7) Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngời máy kéo ra đồng nghịch rom, những tháng năm còn được nằm trọn trong vòng tay của ba mẹ.

(8) Có sợi rom nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hy vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.

(9) Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tần số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những ký ức thân thương ấy lại ào ạt ùa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.

(Nhiều tác giả, *Nghĩa tình miền Tây*, NXB Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đối tượng chính được nói đến trong văn bản là gì?

Câu 2. Tác giả đã viết về vùng đất nào trên đất nước ta?

Câu 3. Nội dung bao quát của văn bản trên là gì?

Câu 4: Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoang rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi. Mùi rom rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổ, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu”.

Câu 5. Những bài học anh/chị rút ra được sau khi đọc xong văn bản?

Câu 6: Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả rằng: những ký ức “chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người” bởi “đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được”? Vì sao?

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn thuyết minh về tình trạng tôn thờ thần tượng một cách thái quá của giới trẻ hiện nay.

-----Hết-----



CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT!

